

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Số: 197/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- oOo -----

Hà Nội, Ngày 14 tháng 12 năm 1982

## NGHỊ ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 197/HĐBT  
NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 1982 BAN HÀNH ĐIỀU LỆ  
VỀ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;*

*Căn cứ Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;*

*Theo đề nghị của chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.*

## NGHỊ ĐỊNH

**Điều 1.-** Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ về nhãn hiệu hàng hoá.

**Điều 2.-** Bản điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày công bố. Những quy định trước đây về thể lệ đăng ký và sử dụng nhãn hiệu hàng hoá dịch vụ trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

Đối với những nhãn hiệu thương phẩm đã đăng ký theo Nghị định số 175-TTg ngày 3-1-1958 của Thủ tướng Chính phủ và những nhãn hiệu chế tạo hay thương hiệu đã đăng ký ở miền nam Việt Nam trước ngày 30-4-1975 muốn tiếp tục được bảo hộ về pháp lý đều phải đăng ký theo quy định của điều lệ này.

**Điều 3.-** Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng, các bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

## ĐIỀU LỆ

VỀ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

(ban hành kèm theo Nghị định số 197-HĐBT ngày 14-12-1982  
của Hội đồng Bộ trưởng)

Để thống nhất quản lý nhãn hiệu hàng hoá trong phạm vi cả nước, thúc đẩy các cơ sở sản xuất, kinh doanh bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, góp phần quản lý việc lưu thông hàng hoá trên thị trường trong và ngoài nước, chống làm hàng giả và kinh doanh trái phép.

Điều lệ này ban hành nhằm bảo hộ pháp lý các nhãn hiệu hàng hoá, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng và của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

## **Chương I** **ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

*Điều 1.-1.* Các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, các xí nghiệp công tư hợp doanh, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, các tư nhân và pháp nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hay dịch vụ hợp pháp (sau đây gọi tắt là các cơ sở sản xuất, kinh doanh) có quyền và có nghĩa vụ đăng ký và sử dụng nhãn hiệu hàng hoá hay nhãn hiệu dịch vụ để đánh dấu sản phẩm hàng hoá hay phương tiện phục vụ của mình theo quy định của điều lệ này.

2. Điều lệ này được áp dụng chung cho việc bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá và nhãn hiệu dịch vụ (sau đây gọi chung là nhãn hiệu hàng hoá).

3. Các công ty, tổng công ty, liên hiệp các xí nghiệp, các tổ chức Nhà nước có tư cách pháp nhân có quyền xin đăng ký và sử dụng nhãn hiệu hàng hoá tập thể. Các thành viên hoặc các chi nhánh của các tổ chức trên được quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá tập thể đó theo quy tắc sử dụng do các tổ chức trên quy định.

4. Cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài được hưởng các quyền lợi do điều lệ này quy định trên nguyên tắc có đi có lại theo đúng luật pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các hiệp ước quốc tế về sở hữu công nghiệp mà Việt Nam tham gia.

Cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài tiến hành các công việc liên quan đến bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá ở Việt Nam phải thông qua người đại diện hợp pháp là Phòng thương mại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu như các hiệp ước quốc tế mà Việt Nam tham gia không quy định một thể thức khác.

*Điều 2.-1.* Nhà nước bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá theo quy định của điều lệ này theo yêu cầu của các cơ sở sản xuất, kinh doanh với điều kiện sản phẩm hàng hoá đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép sản xuất, kinh doanh và đã đăng ký chất lượng sản phẩm theo quy định.

2. Các Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương trong phạm vi quyền hạn của mình, có trách nhiệm quy định các loại hàng hoá phải mang nhãn hiệu đã được đăng ký khi lưu thông trên thị trường như hàng hoá xuất khẩu, hàng hoá có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ và đời sống người tiêu dùng hay một số loại hàng hoá có ý nghĩa kinh tế - xã hội khác thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của mình.

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh bắt buộc phải xin đăng ký và sử dụng nhãn hiệu hàng hoá cho các loại hàng hoá theo quy định ở mục 2 nêu trên.

*Điều 3.-1.* Nhãn hiệu hàng hoá được bảo hộ pháp lý là những dấu hiệu được chấp nhận có thể là từ ngữ, hình ảnh, hình vẽ, hình nổi... hoặc là sự kết hợp các yếu tố trên, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc kết hợp.

2. Các dấu hiệu dưới đây không được chấp nhận là nhãn hiệu hàng hoá:

- a) Các dấu hiệu không có khả năng phân biệt như tập hợp các dạng hình học đơn giản, các chữ số, chữ cái hoặc những chữ không có khả năng phát âm như một từ ngữ, trừ trường hợp đặc biệt các dấu hiệu này đã được sử dụng rộng rãi và được tín nhiệm từ trước.
- b) Các dấu hiệu quy ước, các hình vẽ và tên gọi thông thường của hàng hoá đã được sử dụng rộng rãi mọi người đều biết.
- c) Các dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, chất lượng, số lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị... mang tính chất mô tả hàng hoá.
- d) Các dấu hiệu làm hiểu sai lệch về xuất xứ, tính năng, công dụng của hàng hoá hoặc các dấu hiệu có tính chất lừa đảo người tiêu dùng.
- e) Các dấu hiệu giống hoặc tương tự với dấu chất lượng, dấu kiểm tra, dấu bảo hành... của các tổ chức trong hay ngoài nước.
- g) Các dấu hiệu mang hình quốc kỳ, quốc huy, biểu tượng quốc gia, ảnh lãnh tụ, ảnh anh hùng dân tộc, địa danh của Việt Nam cũng như của nước ngoài; các tên gọi, biểu tượng của các tổ chức quốc tế nếu không được các cơ quan có thẩm quyền tương ứng cho phép.
- h) Các dấu hiệu trái với pháp luật Nhà nước, trật tự và đạo đức xã hội chủ nghĩa.
- i) Các dấu hiệu giống hoặc tương tự với nhãn hiệu hàng hoá đã được đăng ký trước tại Việt Nam hoặc đã được bảo hộ theo một hiệp ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, cho cùng một loại hàng hoá.

*Điều 4.* - Việc trình bày nhãn hiệu hàng hoá trên sản phẩm, hàng hoá, phương tiện phục vụ theo quy định của điều lệ này không thay thế cho việc trình bày nhãn hiệu sản phẩm (ê-ti-két) và các loại nhãn khác theo quy định trong các tiêu chuẩn, điều kiện kỹ thuật và hợp đồng chuyển giao hàng hoá.

## **Chương II** **ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ**

*Điều 5.* -1. Việc đăng ký nhãn hiệu hàng hoá do Cục sáng chế thuộc Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đảm nhiệm. Để được bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá, các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải nộp hồ sơ xin đăng ký cho Cục sáng chế.

2. Mỗi hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá chỉ sử dụng cho một nhãn hiệu và phải kèm theo danh mục các loại hàng hoá sẽ mang nhãn hiệu đó. Hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá làm theo mẫu quy định trong thông tư hướng dẫn thi hành điều lệ này.

3. Người nộp hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá phải nộp các khoản lệ phí đăng ký. Lệ phí đăng ký và các khoản lệ phí khác nêu ở các điều sau đây của điều lệ này sẽ do Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước quy định.

*Điều 6.* -1. Trong thời hạn nhiều nhất là 1 tháng tính từ ngày nhận được hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, Cục sáng chế phải xem xét các yêu cầu về hình thức và thủ tục lập hồ sơ và trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày chấp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục sáng chế phải xem xét và trình Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước ra quyết định cấp hoặc không cấp giấy chứng

nhận nhãn hiệu hàng hoá. Trường hợp không cấp phải thông báo rõ lý do cho người nộp hồ sơ biết.

2. Các nhãn hiệu hàng hoá được cấp giấy chứng nhận được ghi vào sổ đăng bạ nhãn hiệu hàng hoá quốc gia và được công bố trên thông báo sáng chế và nhãn hiệu hàng hoá do Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước xuất bản. Chủ nhãn hiệu hàng hoá phải nộp lệ phí in nhãn hiệu hàng hoá khi công bố.

*Điều 7.-1.* Nếu những nhãn hiệu hàng hoá tương tự gây nhầm lẫn hoặc giống nhau do hai hay nhiều người nộp hồ sơ xin đăng ký cho cùng một loại hàng hoá thì quyền ưu tiên thuộc về người nộp hồ sơ sớm nhất và được xác định trên cơ sở:

a) Ngày Cục sáng chế nhận hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá hoặc ngày gửi hồ sơ qua bưu điện.

b) Ngày nộp đơn đầu tiên ở một nước khác theo quy định của hiệp ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

c) Ngày trưng bày hiện vật có mang nhãn hiệu giả hàng hoá tại một cuộc triển lãm chính thức ở Việt Nam, nếu hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá được nộp trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày hiện vật được trưng bày tại triển lãm.

2. Trường hợp có tranh chấp về quyền ưu tiên thì nhãn hiệu hàng hoá được chấp nhận cho người chứng minh được rằng nhãn hiệu hàng hoá đã được người đó sử dụng trước một cách rộng rãi trên thị trường.

*Điều 8.-1.* Để bảo vệ quyền lợi liên quan đến nhãn hiệu hàng hoá, các cơ sở sản xuất, kinh doanh được phép xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá ở nước ngoài trên cơ sở quyết định của Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với sự thoả thuận của Bộ Ngoại thương và theo các thể thức do Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước quy định.

2. Nhãn hiệu hàng hoá trước khi đăng ký ra nước ngoài nhất thiết phải được bảo hộ ở Việt Nam.

### ***Chương III***

### **BẢO HỘ PHÁP LÝ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ**

*Điều 9.-1.* Nhãn hiệu hàng hoá được bảo hộ kể từ ngày Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước ra quyết định cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hoá.

2. Thời hạn bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá là 10 năm tính từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ.

3. Thời hạn bảo hộ có thể được kéo dài mỗi lần nhiều nhất là 10 năm tính từ thời điểm kết thúc thời hạn trước. Để tiếp tục kéo dài thời hạn bảo hộ, chủ nhãn hiệu hàng hoá phải nộp đơn xin gia hạn cho Cục sáng chế 6 tháng trước khi kết thúc thời hạn bảo hộ và phải nộp lệ phí theo quy định.

*Điều 10.-1.* Trong thời hạn hiệu lực, chủ nhãn hiệu hàng hoá được độc quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá để đánh dấu các hàng hoá liệt kê trong danh mục hàng hoá mang nhãn hiệu đó, trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh hay dịch vụ của mình trên lãnh thổ Việt Nam .

2. Chủ nhãn hiệu hàng hoá có trách nhiệm bảo đảm và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá của mình, hàng hoá nào không còn bảo đảm phẩm cấp chất lượng theo quy định thì không được mang nhãn hiệu đã được đăng ký.

3. Chủ nhãn hiệu hàng hoá có quyền chuyển nhượng từng phần hoặc toàn bộ quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác trên cơ sở hợp đồng, với điều kiện cơ sở tiếp nhận phải đảm bảo tính năng và chất lượng của hàng hoá mang nhãn hiệu đó. Trường hợp chuyển nhượng từng phần, trong hợp đồng phải quy định quyền kiểm tra chất lượng hàng hoá của chủ nhãn hiệu.

4. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá phải được đăng ký tại Cục sáng chế mới có giá trị pháp lý và chủ nhãn hiệu hàng hoá phải nộp lệ phí theo quy định.

*Điều 11.-1.* Trong thời hạn hiệu lực, chủ nhãn hiệu hàng hoá có thể đề nghị Cục sáng chế sửa đổi tên, địa chỉ của chủ nhãn hiệu, một vài chi tiết trong nhãn hiệu, danh mục hàng hoá mang nhãn hiệu... Những sửa đổi này phải được ghi nhận trong sổ đăng bạ nhãn hiệu hàng hoá quốc gia và giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hoá. Chủ nhãn hiệu phải nộp các khoản lệ phí theo quy định.

2. Trong trường hợp việc sửa đổi dẫn đến làm thay đổi cơ bản nhãn hiệu hàng hoá đã đăng ký, chủ nhãn hiệu phải tiến hành xin đăng ký như nhãn hiệu hàng hoá mới.

*Điều 12.-*Việc bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá sẽ bị huỷ bỏ khi:

a) Chủ nhãn hiệu làm đơn xin từ bỏ sự bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá trước khi kết thúc thời hạn hiệu lực.

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh là chủ nhãn hiệu không còn tồn tại hoặc không tiếp tục hoạt động mà không có người thừa kế hợp pháp quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá.

c) Nhãn hiệu hàng hoá không được sử dụng sau 5 năm tính từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ mà chủ nhãn hiệu không nêu ra được lý do chính đáng.

Nhãn hiệu hàng hoá được coi là sử dụng khi nhãn hiệu được trình bày trên hàng hoá, bao bì, giấy tờ giao dịch hoặc quảng cáo hàng hoá...

d) Có kết luận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chất lượng hàng hoá không đảm bảo tiêu chuẩn với nhãn hiệu đã đăng ký.

*Điều 13.-*Trong suốt thời hạn hiệu lực của nhãn hiệu hàng hoá, bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào, nếu phát hiện nhãn hiệu hàng hoá được cấp giấy chứng nhận không phù hợp với các quy định của điều lệ này, đều có quyền gửi đơn khiếu nại tố cáo cho Cục sáng chế. Trên cơ sở xem xét đơn, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có thể ra quyết định huỷ bỏ hiệu lực bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá đó.

*Điều 14.-1.* Người nộp hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá hoặc chủ nhãn hiệu hàng hoá có quyền khiếu nại về các quyết định liên quan đến việc:

- Không chấp nhận hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá.
- Không cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hoá.
- Đình chỉ hoặc huỷ bỏ hiệu lực bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá.

2. Trong thời hạn 3 tháng tính từ ngày nhận được quyết định về các việc nêu trên, người khiếu nại phải nộp đơn khiếu nại cho Cục sáng chế.

3. Trong thời hạn 2 tháng tính từ ngày nhận được đơn khiếu nại, Cục sáng chế có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo kết quả cho người khiếu nại. Trường hợp không đạt được sự nhất trí giữa người khiếu nại và Cục sáng chế thì quyết định của chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước là quyết định cuối cùng về các khiếu nại này.

*Điều 15.-1.* Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào sử dụng nhãn hiệu hàng hoá của người khác mà không được phép hoặc sử dụng những dấu hiệu giống hoặc tương tự có khả năng làm người tiêu dùng nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá của người khác cho các loại hàng hoá đã được liệt kê trong danh mục đều bị coi là vi phạm độc quyền sử dụng của chủ nhãn hiệu hàng hoá.

2. Chủ nhãn hiệu hàng hoá có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá của mình.

*Điều 16.-*Các cơ sở sản xuất kinh doanh không đăng ký và không sử dụng nhãn hiệu hàng hoá theo quy định ở điều 2, mục 3 và những người vi phạm quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá của chủ nhãn hiệu theo quy định ở điều 15, mục 1, tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc bị truy tố trước toà án và xét xử theo pháp luật hiện hành.

#### ***Chương IV*** **TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ**

*Điều 17.-1.* Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo việc đăng ký, bảo hộ pháp lý và sử dụng nhãn hiệu hàng hoá trong phạm vi cả nước. Cục sáng chế thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước là cơ quan giúp chủ nhiệm Ủy ban thực hiện chức năng trên.

2. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo công tác nhãn hiệu hàng hoá trong ngành hoặc địa phương mình, bao gồm:

- a) Chỉ đạo các cơ sở xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá ở trong và ngoài nước theo quy định.
- b) Kiểm tra việc sử dụng nhãn hiệu hàng hoá.
- c) Tổng hợp và phổ biến kinh nghiệm liên quan đến việc xin đăng ký, bảo hộ pháp lý và sử dụng nhãn hiệu hàng hoá.

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị và lập hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá ở trong và ngoài nước theo quy định.

b) Trình bày nhãn hiệu hàng hoá đã được bảo hộ trên sản phẩm hàng hoá, bao bì, giấy tờ giao dịch và quảng cáo hàng hoá của mình.

4. Bộ phận quản lý sáng kiến, sáng chế hoặc tùy theo tình hình cụ thể một bộ phận thích hợp khác có trách nhiệm giúp các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ trên ở các cấp tương đương.

## *Chương V* **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

*Điều 18.*-Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm ban hành hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan ban hành các thông tư giải thích, hướng dẫn và tổ chức thực hiện điều lệ này.

*Điều 19.*- Các bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện điều lệ này.

**HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**  
(Đã ký)

**Tổ Hữu**